

Số 487/2021/QĐST-HNGĐ

TN, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 662/2021/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa: Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978; bị đơn chị Trần Thị Th, sinh năm 1978. Điều cư trú xóm H, xã C.N, thành phố TN, tỉnh TN

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 54, 55, 56, 57, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 662/2021/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978; bị đơn chị Trần Thị Th, sinh năm 1978. Điều cư trú xóm H, xã C.N, thành phố TN, tỉnh TN

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Xuân H và chị Trần Thị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 02/6/2001; Nguyễn Thị Như B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Trần Hoà A, sinh ngày 11/8/2012. Con lớn Nguyễn Thành N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Chị Trần

Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Như B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Trần Hoà A, sinh ngày 11/8/2012 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Hai bên thống nhất thoả thuận anh Nguyễn Xuân H sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Như B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Trần Hoà A, sinh ngày 11/8/2012 mức là 1.500.000đ/tháng/ cháu, cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 11/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Xuân H tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước (chuyển từ tạm ứng án phí sang) theo biên lai thu số 0000590 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND xã N.Đ,
- H. N.H, tỉnh K.H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Huệ

